

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN PHÚ VANG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Bản án số: 01/2023/KDTM-ST

Ngày: 04/5/2023

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ VANG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hóa

2. Bà Trần Thị Thu

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vĩnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Vang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Vang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Lợi, Kiểm sát viên

Trong ngày 04 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Vang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2022/TLST-KDTM ngày 15 tháng 11 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 3 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-HPT ngày 11/4/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A

Địa chỉ: số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V; Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tuấn T ; Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng A - chi nhánh huyện Phú Vang, Thừa Thiên Huế

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Hải V; Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Phú Thuận; Địa chỉ: thôn An Dương, xã Phú Thuận, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Ông Phạm T, sinh năm: 1967; Địa chỉ: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đ, vắng mặt lần 2

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Tô Thị T, sinh năm 1966; Địa chỉ: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đ, vắng mặt lần 2

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:

Ngân hàng A (Agribank) và ông Phạm T đã ký kết hợp 02 hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng thứ nhất là hợp đồng số: 4006-LAV 201602634 ngày 31/10/2016, để cho ông T vay với số tiền 400.000.000; thời hạn vay 48 tháng, kể từ ngày 31/10/2016; mục đích vay là xây nhà xưởng chế biến nước ốt; Mức lãi suất 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay đã thỏa thuận

Để đảm bảo khoản vay nêu trên giữa ông T, bà T với Agribank có ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số: 0410/0316 ngày 28/10/2016; Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 248.1, tờ bản đồ số 08, diện tích 335m², tọa lạc tại thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đ đã được UBND huyện Phú Vang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: R 094297 ngày 10/01/2002.

Hợp đồng tín dụng thứ hai là hợp đồng số: 4006-LAV-201802436 ngày 26/10/2018 với số tiền vay 150.000.000 đồng; Mục đích vay mua máy xay ốt; thời hạn vay 36 tháng; lãi suất cho vay 10,5%/năm. Đối với hợp đồng này phía Ngân hàng và ông T không có ký kết hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm, nhưng phía Ngân hàng đã giữ của bên vay là ông T, bà T một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 403502, thửa đất số 176, tờ bản đồ số 2, diện tích 200m², tọa lạc tại thôn Mai Vĩnh, xã Vinh Xuân, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông T và bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không trả nợ đúng như cam kết và đã chuyển sang nợ quá hạn. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T và bà T phải trả nợ theo đúng như cam kết.

Tính đến ngày 04/5/2023 ông T, bà T còn nợ của Ngân hàng số tiền 556.085.948 đồng (Trong đó nợ gốc: 435.000.000, nợ lãi 121.085.948 đồng). Cụ thể theo từng hợp đồng như sau:

- Hợp đồng số 4006-LAV 201602634 ngày 31/10/2016, số tiền còn nợ 389.454.338 đồng (Trong đó nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 81.933.790 đồng, nợ lãi quá hạn: 7.520.548 đồng).

- Hợp đồng số 4006-LAV-201802436 ngày 26/10/2018, số tiền còn nợ là 166.631.610 đồng (Trong đó nợ gốc 135.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 27.732.945 đồng, nợ lãi quá hạn: 3.898.665 đồng).

Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà T phải trả nợ; nếu ông T, bà T không trả được nợ thì đề nghị Tòa án buộc ông T, bà T bàn giao tài sản thế chấp

là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 248.1, tờ bản đồ số 08, diện tích 335m², tọa lạc tại thôn A, xã B, huyện C, tỉnh D để xử lý thu hồi nợ.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp trên không đủ trả nợ, thì đề nghị tiếp tục xử lý tài sản khác là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 176, tờ bản đồ số 2, diện tích 200m², tọa lạc tại thôn Mai Vĩnh, xã Vinh Xuân, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế để thu hồi nợ.

Nếu xử lý các tài sản thế chấp trên không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì ông T, bà T tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ;

Nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc ông T, bà T phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí, Phía nguyên đơn tự nguyên chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Tại biên bản tự khai ngày 07/2/2023, ông T trình bày: Ông T có ký kết 02 hợp đồng tín dụng để vay vốn với Agribank, hợp đồng thứ nhất vào năm 2016 vay 400.000.000 đồng, hợp đồng thứ hai vào năm 2018 vay số tiền 150.000.000 đồng. Tổng cộng hai hợp đồng là 450.000.000 đồng; Mục đích vay vốn là để đầu tư vào việc mua sắm máy móc, thiết bị để phục vụ việc kinh doanh nước tương ớt. Để đảm bảo khoản vay nêu trên, ông T, bà T đã ký kết hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm với Agribank, tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 248.1, tờ bản đồ số 08, diện tích 335m², tọa lạc tại thôn A, xã B, huyện C, tỉnh D.

Do điều kiện làm ăn khó khăn nên ông T, bà T không có khả năng trả nợ đúng hạn cho Ngân hàng, đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện xem xét giảm nợ lãi quá hạn cho ông T, bà T

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập, lấy lời khai của đương sự, niêm yết văn bản tố tụng nhiều lần; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T và bà T không đến Tòa để làm việc và tham gia hòa giải theo giấy triệu tập. Ngày 14/02/2023 người đại diện ủy quyền của nguyên đơn có văn bản đề nghị từ chối hòa giải. Vì vậy, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Vang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 280, 295, 299, 317, 318, 325, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: buộc ông T, bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Phạm T là chủ hộ kinh doanh cá thể có đăng ký kinh doanh với ngành nghề kinh doanh là chế biến nước ớt, tương ớt, ớt bột; ông T đã ký kết hợp đồng tín dụng với Agribank để vay vốn, mục đích vay vốn là sử dụng vào việc kinh doanh nên quan hệ tranh chấp trong vụ án là “kinh doanh thương mại” theo khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ và niêm yết văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng tại phiên tòa hôm nay ông T, bà T vắng mặt lần thứ 02; tại bản tự khai ông T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T, bà T.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Phạm T và bà Tô Thị T cư trú tại thôn A, xã B, huyện c, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Vang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Ngày 31/10/2016 ông Phạm T có ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng A để vay số tiền 400.000.000 đồng, hợp đồng số 4006-LAV 201602634; Mục đích vay vốn phục vụ cho việc kinh doanh. Để đảm bảo khoản vay nêu trên giữa ông T, bà T với Agribank có ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số: 0410/0316 ngày 28/10/2016; Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 248.1, tờ bản đồ số 08, diện tích 335m², tọa lạc tại thôn A, xã B, huyện c, tỉnh Đ đã được UBND huyện Phú Vang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: R94297 ngày 10/01/2002.

Ngày 26/10/2018 giữa ông T với Agribank có ký kết hợp đồng tín dụng số 4006-LAV-201802436 để vay số tiền 150.000.000 đồng; Mục đích vay vốn để sử dụng vào việc kinh doanh, chế biến nước tương ớt. Hợp đồng này giữa Agribank và ông T không có ký kết hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm, nhưng phía Ngân hàng đã giữ của bên vay là ông T, bà T một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 403502, thửa đất số 176, tờ bản đồ số 2, diện tích 200m², tọa lạc tại thôn Mai Vĩnh, xã Vinh Xuân, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Việc ký kết hợp đồng giữa ông T và Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, ông T đã nhận đủ tiền vay của Ngân hàng và sử dụng đúng mục đích. Mặc dù, bà T không ký trong hợp đồng tín dụng nhưng bà T đã ký vào hợp đồng thế chấp tài

sản và làm giấy ủy quyền cho ông T nhận tiền vay, nên bà T phải có trách nhiệm liên đới cùng với ông T trả nợ cho Ngân hàng đối với khoản vay nêu trên theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tính đến ngày 04/5/2023 ông T, bà T còn nợ của Ngân hàng số tiền 556.085.948 đồng (Trong đó nợ gốc: 435.000.000, nợ lãi 121.085.948 đồng). Cụ thể theo từng hợp đồng như sau:

- Hợp đồng số 4006-LAV 201602634 ngày 31/10/2016, số tiền còn nợ đến ngày 04/5/2023 là 389.454.338 đồng (Trong đó nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 81.933.790 đồng, nợ lãi quá hạn: 7.520.548 đồng).

- Hợp đồng số 4006-LAV-201802436 ngày 26/10/2018, số tiền còn nợ đến ngày 04/5/2023 là 166.631.610 đồng (Trong đó nợ gốc 135.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 27.732.945 đồng, nợ lãi quá hạn: 3.898.665 đồng).

Nguyên đơn yêu cầu ông T, bà T phải trả toàn bộ số nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, kể từ ngày 05/5/2023 cho đến khi trả hết nợ. Nếu ông T, bà T không trả được nợ thì đề nghị Tòa án buộc ông T, bà T bàn giao tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp tại thửa đất số 248.1, tờ bản đồ số 08, diện tích 335m², tọa lạc tại thôn A, xã B, huyện C, tỉnh D để Ngân hàng xử lý thu hồi nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu của Ngân hàng A là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và buộc ông T, bà T phải trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu về xử lý tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 176, tờ bản đồ số 2, diện tích 200m², mang tên ông T, bà T, thửa đất tọa lạc tại thôn Mai Vĩnh, xã Vĩnh Xuân, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế. Thấy rằng, việc rút yêu cầu là tự nguyện, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử cần chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đối với yêu cầu này. Nguyên đơn không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu đã rút.

[4] Về án phí: ông T và bà T phải chịu 20.000.000 đồng x 4% (556.085.948 - 400.000.000) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về chi phí thẩm định tại chỗ: Phía nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 1.500.000 đồng, nên cần chấp nhận sự tự nguyện của phía nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Áp dụng các Điều 117, 280, 295, 299, 317, 318, 319, 320, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với ông Phạm T và bà Tô Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

2. Buộc ông Phạm T và bà Tô Thị T phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng A số tiền, tính đến ngày 04/5/2023 là: 556.085.948 đồng (Trong đó nợ gốc: 435.000.000, nợ lãi 121.085.948 đồng). Cụ thể theo từng hợp đồng như sau:

- Hợp đồng số 4006-LAV 201602634 ngày 31/10/2016, số tiền: 389.454.338 đồng (Trong đó nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 81.933.790 đồng, nợ lãi quá hạn: 7.520.548 đồng)

- Hợp đồng số 4006-LAV-201802436 ngày 26/10/2018, số tiền: 166.631.610 đồng (Trong đó nợ gốc 135.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 27.732.945 đồng, nợ lãi quá hạn: 3.898.665 đồng).

Kể từ ngày 05/5/2023 cho đến khi thi hành án xong, ông T, bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng mà bà ông T, bà T đã ký kết với Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu ông T và bà T không trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng số 4006-LAV 201602634 ngày 31/10/2016 như đã nêu trên, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để xử lý thu hồi nợ, tài sản thế chấp bảo đảm là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 248.1, tờ bản đồ số 08, diện tích 335m², tọa lạc tại thôn A, xã B, huyện C, tỉnh D, mang tên Phạm T và Tô Thị T đã được UBND huyện Phú Vang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: R94297 ngày 10/01/2002, theo hợp đồng thế chấp số: 0410/0316 ngày 28/10/2016

Trong trường hợp xử lý tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ, thì ông T, bà T phải tiếp tục trả hết số nợ còn thiếu cho Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản thế chấp vượt quá số tiền phải thanh toán thì Ngân hàng và cơ quan Thi hành án dân sự phải hoàn trả cho người sử dụng hợp pháp số tiền vượt quá

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đối với yêu cầu xử lý tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 176, tờ bản đồ số 2, diện tích

200m2, mang tên ông T, bà T, thửa đất tọa lạc tại thôn Mai Vĩnh, xã Vinh Xuân, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Về án phí: Buộc ông T và bà T phải chịu 26.243.437 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn số tiền tạm ứng án phí: 12.530.000 đồng mà Ngân hàng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Vang, theo biên lai số: 0005018 ngày 09 tháng 11 năm 2022.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tự nguyện chịu 1.500.000 đồng. Số tiền này Ngân hàng đã nộp đủ.

Trong trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm T và bà Tô Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Phú Vang;
- Thi hành án Phú Vang;
- TAND tỉnh;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOạ PHIÊN TOạ**

Võ Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hóa Trần Thị Thu

Võ Sơn

